

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thực hiện công tác công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

I. Thông tin chung

- Tên đơn vị: Trường TH Diễn Quảng
- Địa chỉ : Xóm 1 xã Diễn Quảng, Diễn Châu, Nghệ An
- Địa chỉ thư điện tử: thdienquang.dc@nghe.edu.vn,
- Trang thông tin điện tử của nhà trường:
<http://tieuhocdienquang.dienchau.edu.vn>
- Loại hình của đơn vị: Trường Tiểu học công lập.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Diễn Châu

2. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của đơn vị.

- Lịch sử hình thành: Trường Tiểu học Diễn Quảng nằm trên địa bàn Xóm 9 xã Hạnh Quảng, Diễn Châu, Nghệ An. Trường được tách ra từ trường cấp 1,2 Diễn Quảng từ năm 1992. Theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 1992 của UBND huyện Diễn Châu về việc thành lập trường TH Diễn Quảng

- Trường Tiểu học Diễn Quảng là trường công lập do UBND Huyện Diễn Châu thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện pháp luật: Đàm Thị Lan Chức vụ: Hiệu trưởng
 Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 9 xã Hạnh Quảng, Diễn Châu, Nghệ An,
 Số điện thoại: 0367528956 Gmail: huonglan1969@gmail.com

4. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, sáp nhập của đơn vị;

Trường Tiểu học Diễn Quảng được thành lập từ ngày / /1992 theo Theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 1992 của UBND huyện Diễn Châu.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

Quyết định (QĐ) số 3556/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Diễn Châu Về việc kiện toàn thành viên Hội đồng trường trường TH Diễn Quảng nhiệm kỳ 2021 - 2025 Danh sách Hội đồng trường:

Danh sách thành viên hội đồng trường;

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh, chức vụ trong đơn vị
1	Trần Thị Anh	1974		Phó hiệu trưởng
2	Phan Văn Hải	1975		GV- CTCĐ-Thư kí HĐSP
3	Đàm Thị Lan	1969		Hiệu trưởng
4	Cao Thị Lý	1973		GV-TBTTND
5	Nguyễn Thị Thương	1978		Tổ trưởng CM 1;2;3
6	Lương Thị Trần Anh	1971		Tổ trưởng CM 4;5
7	Chu Thị Hòa	1975		GV- TPTĐ
8	Nguyễn Thị Nhung	1984		PCTUBND xã
9	Nguyễn Văn Minh	1980		B ĐDCMHS

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đơn vị:

Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 12/08/2022 của UBND huyện Diễn Châu Về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Quảng.

Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 30/08/2003 của UBND huyện Diễn Châu về việc chuyển chuyển cán bộ quản lý PHT trường TH Diễn Quảng.

Quyết định số 1830/ QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND huyện Diên Châu Về việc điều động, bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Diên Quảng.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

TT	Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:	Số lượng	Trình độ			
			Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ
1	Số lượng giáo viên theo vị trí việc làm	23	0	01	22	
	Giáo viên Tiểu học hạng I	0				
	Giáo viên Tiểu học hạng II	06			06	
	Giáo viên Tiểu học hạng III	13		01	12	
2	Cán bộ quản lý					
	Hiệu trưởng	1			1	
	Phó hiệu trưởng	1			1	
3	Nhân viên					
	TV - TB	1			1	
	Kế toán	1			1	
	Văn thư	0			0	

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

TT	Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:	Số lượng	Đạt chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	Đạt	

						Chưa đạt
1	Số lượng giáo viên theo vị trí việc làm					
	Giáo viên Tiểu học hạng I					
	Giáo viên Tiểu học hạng II	6	4	2		
	Giáo viên Tiểu học hạng III	13	7	6		
2	Cán bộ quản lý	2	2			
	Hiệu trưởng	1	1			
	Phó hiệu trưởng	1	1			

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

TT	Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:	Số lượng	Hoàn thành BDTX	
			Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành
1	Số lượng giáo viên theo vị trí việc làm	21	21	
	Giáo viên Tiểu học hạng I			
	Giáo viên Tiểu học hạng II	6	6	
	Giáo viên Tiểu học hạng III	13	13	
2	Cán bộ quản lý	2	2	
	Hiệu trưởng	1	1	
	Phó hiệu trưởng	1	1	
3	Nhân viên			
	TV - TB			
	Kế toán			
	Văn thư			

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường: 5403 m²;

Diện tích bình quân tối thiểu: 11,1 m²/ học sinh. Đủ so với quy định.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Số liệu	Số phòng hiện có	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	28	
1	Phòng học	14	Đủ theo quy định
a	Phòng kiên cố	14	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng học tạm	0	
2	Phòng học bộ môn	04	Đủ theo quy định
a	Phòng kiên cố	04	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	04	Thiếu 1 phòng
a	Phòng kiên cố	04	
b	Phòng bán kiên cố	01	
c	Phòng tạm	0	
4	Khối phòng phụ trợ	06	Đủ theo quy định
a	Phòng kiên cố	06	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
II	Khối phòng hành chính quản trị	06	Đủ theo quy định
a	Phòng kiên cố	06	
b	Phòng bán kiên cố	0	

c	Phòng tạm	0	
III	Các công trình, khối phòng chức năng khác(nếu có).	0	Thiếu 2 phòng

c) Số thiết bị dạy học hiện có: Đủ theo quy định.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TỔNG HỢP DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA CÁC LỚP NĂM HỌC 2024 - 2025

Bộ sách/ môn	Kết nối tri thức với cuộc sống										NXBGD		Cánh điều
	Tiếng Việt	Toán	LS&DL	Đạo đức	Khoa học	HĐTN	GDTC	Âm nhạc	Mĩ Thuật	Công Nghệ	Tiếng Anh (Global Success)	Tin học	Tiếng Việt
Trường Tiểu học Diễn Quảng		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Tốt

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: Cấp độ 3

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Đối tượng tuyển sinh.	Chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức tuyển	Thời gian tuyển sinh	Công khai kết quả
-----------------------	---------------------	-------------------	----------------------	-------------------

		sinh		
Trẻ sinh năm 2019 thuộc địa bàn xã Diên Quảng	102 em/3 lớp	Xét tuyển	22/6/2024	06/7/2024

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

Năm học 2024-2025 thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với tất cả các lớp 1;2;3;4;5 .

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục năm học 2024 - 2025

TT	Môn học	Khối lớp 1			Khối lớp 2			Khối lớp 3			Khối lớp 4			Khối lớp 5		
		Tổng	HK 1	HK 2	Tổng	HK 1	HK2	Tổng	HK 1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK 1	HK2
1. 1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	T việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
4	LS&ĐL										70	36	34	70	36	34
5	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
6	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
7	NT (ÂN; MT)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
8	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
9	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
10	TH-CN							70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	Tiếng Anh	70	36	34	70	36	34									
1.2. Hoạt động củng cố tăng cường																
1	TATC	70			70			70			70			70		
2	KNSTC	35			35			35			35			35		
3	HĐ củng cố	35			35			35								
Tổng số tiết		1120			1120			1120			1115			1155		

Số tiết/tuần	1120 tiết/35 = 32 tiết	1120 tiết/35 = 32 tiết	1120 tiết/35 = 32 tiết	1155 tiết/35 = 33 tiết	1155 tiết/35 = 33 tiết
Số buổi dạy/tuần	9 buổi	9 buổi	9 buổi	9 buổi	9 buổi

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh; Có

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

1. Chương trình dạy học tăng cường:

+Tiếng Anh tăng cường: Lớp 1 HS có nhu cầu, tự nguyện tham gia: 02 tiết/ tuần

2.Các hoạt động GDNGLL và hoạt động trải nghiệm.

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học:

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	H. thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Chào mừng năm học mới	Khai giảng năm học	Tập trung toàn trường	Sáng thứ năm (05/9/2024)	Đàm Thị Lan Chu Thị Hòa	GV và học sinh toàn trường
		Trung thu của em	Tập trung toàn trường	Sáng thứ hai (16/9/2024)	Chu Thị Hòa	GV và học sinh toàn trường
Tháng 11	Biết ơn thầy giáo, cô giáo	HDTN: Tri ân thầy giáo, cô giáo	Tập trung toàn trường	Thứ tư (20/11/2024)	Chu Thị Hòa	GV và học sinh toàn trường
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	HDTN: Theo bước chân anh bộ đội Cụ Hồ	Tập trung toàn trường	Chiều thứ sáu (20/12/2024)	Chu Thị Hòa	GV và học sinh toàn trường
Tháng 1	Ngày Tết quê em	HDTN: Ngày tết quê em	Tập trung toàn trường	Chiều thứ sáu (17/01/2025)	Chu Thị Hòa	GV và học sinh toàn trường
Tháng 3	Ngày hội thiếu nhi khỏe	HDTN: Ngày hội TN vui khỏe. SP STEM	Tập trung toàn trường	Sáng thứ hai (24/3/2025)	Chu Thị Hòa	GV và học sinh toàn trường
Tháng 4	Em xây dựng thói quen đọc sách	HDTN: Ngày sách Việt Nam	Tập trung toàn trường	Sáng thứ bảy (19/4/2025)	Chu Thị Hòa Nguyễn Thị Thuyết	GV và học sinh toàn trường
Tháng 5	Nhớ ơn Bác Hồ	1. Đón HSMN đến trường TH 2. HSL5 TN ở trường	Tập trung toàn trường	Sáng thứ 2 và sáng 4 (19,21/5/2025)	GV chủ nhiệm	GV và HS toàn trường.

		THCS				
--	--	------	--	--	--	--

2.2. Tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học.

TT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Tiếng Anh tăng cường	Hoạt động phát triển năng lực môn Tiếng Anh	Học sinh lớp 1, 2,3,4,5	Chiều thứ 6	Lớp học	
2	Phát triển kỹ năng sống	Hoạt động phát triển Kỹ năng sống	Học sinh toàn trường	Tiết cuối các buổi học trong tuần	Lớp học	
4	Giáo dục STEM	Hoạt động giáo dục STEM.	Học sinh lớp 1,2,3,4,5	Theo tháng	Lớp học	

2.3. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường cho học sinh.

TT	Nội dung	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Hình Thức	Kinh phí
1	Nghĩa trang liệt sĩ xã cho khối 1,2	HS Khối 1,2	Tháng 1/2025	BGH – TPT-GVCN các khối 1,2,3. Ban đại diện CMHS	
3	Tham quan di tích LS trong tỉnh.	Học sinh khối 3, 4;5	Tháng 03/2025	Tự nguyện. Phối hợp GV, CMHS	XHH từ PH và mạnh thường quân.

2.4. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Năm học 2024 -2025.

STT	Lớp	Số lớp	Số HS	Nữ	Học sinh khuyết tật (C.Biệt và H.Nhập)		Số HS học 2 buổi/ngày	
					SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Lớp 1	3	106	56	0	0	106	100.0%
2	Lớp 2	3	114	49	0	0	114	100.0%
3	Lớp 3	3	98	40	0	0	98	100.0%
4	Lớp 4	3	81	45	0	0	81	100.0%

5	Lớp 5	3	90	46	0	0	90	100.0%
Toàn trường		15	489	236			489	

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Lớp 1,2, 3,4,5 - Năm học 2024 -2025.

Đánh giá cuối năm học

TT	Nội dung	Lớp 1	Tỷ lệ	Lớp 2	Tỷ lệ	Lớp 3	Tỷ lệ	Lớp 4	Tỷ lệ	Lớp 5	Tỷ lệ
1	Đánh giá Kết quả cuối năm										
1.1	Hoàn thành xuất sắc	47	46,1	46	40,4	36	37,1	30	36,6	37	41,1
1.2	Hoàn thành tốt	17	16,7	24	21,1	27	27,8	25	30,5	21	23,3
1.3	Hoàn thành	31	30,4	43	37,7	33	34,0	27	32,9	33	36,7
1.4	Chưa hoàn thành	7	6,9	1	0,9	1	1,0	0	0,0	0	0,0
2	Danh hiệu Khen thưởng										
2.1	Học sinh <i>Xuất sắc</i>	47	46,1	46	40,4	36	37,1	30	36,6	37	41,1
2.2	Học sinh <i>Tiêu biểu</i> hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	17	16,7	25	21,9	27	27,8	25	30,5	21	23,3
2.3	Khen thưởng đột xuất										
2.4	Đề nghị cấp trên khen thưởng	5	4,9	22	19,3	9	9,3	7	8,5	10	11,1
2.5	Gửi thư khen										
3	Hoàn thành chương trình lớp học										
3.1	Hoàn thành	99	97,1	113	99,1	96	99,0	82	100,0	90	100,0
3.2	Chưa hoàn thành	7	6,9	1	0,9	1	1,0	0	0,0	0	0,0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- Tình hình tài chính của đơn vị trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1. Nguồn thu NSNN Cấp

TT	Nội dung	Số tiền		
		Thu	Chi	Tồn
1	Thu NSNN cấp 2025	5.216.219.000		2.806.909.000
2	Chi lương và phụ cấp lương		1.882.377.000	
3	Các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ		526.933.000	
4	Học bổng và chi phí học tập cho HS	21.720.000	3.000.000	18.720.000
5	Tiền thưởng	199.821.000		199.821.000
6	Các khoản chi khác	385.000.000	296.632.000	86.368.000
	Tổng NSNN còn			-

2. Nguồn thu vận động tài trợ

TT	Nội dung	Số tiền		
		Thu	Chi	Tồn
1	Số dư năm học 2023-2024 chuyển sang			1.297.000
	Nguồn vận động năm học 2024-2025	113.850.000		
2	Mua ghế học sinh		40.000.000	
3	Mua bàn, tủ đồ dùng HS		20.700.000	
4	Lắp hệ thống Bảng trượt		26.399.520	
5	Máy vitinh phòng tin học		28.116.000	
	Tổng		114.997.000	

Số tiền chuyển năm học 2025-2026 là: 150.000 Đồng

3. Nguồn thu gửi xe đạp (nguồn thu theo quy định)

TT	Nội dung	Số tiền		
		Thu	Chi	Tồn
1	Số dư năm học 2022-2023 chuyển sang			3.607.000
	Số dư năm học 2023-2024 chuyển sang			6.500.000
2	Số thu năm học 2024-2025		6.800.000	
3	Chi lương bảo vệ xe đạp			
4	Chi tu bổ, nâng cấp nhà xe			
	Tổng		6.800.000	10.107.000

Số tiền chuyển năm học 2025-2026 là 16.970.000 đồng

4. Nguồn thu tiếng anh tăng cường học sinh Khối 1

TT	Nội dung	Số tiền		
		Thu	Chi	Tồn
1	Số thu năm học 2024-2025	34.140.000		
2	Chi cho trung tâm anh ngữ		27.312.000	
3	Chi cho công tác hỗ trợ GVCN, quản lý		6.486.000	

4	Chi cho tăng cường cơ sở vật chất		342.000	
Tổng		34.140.000	34.140.000	0

5. Nguồn thu phô tô in ấn đề thi

TT	Nội dung	Số tiền		
		Thu	Chi	Tồn
1	Số thu năm học 2024-2025	7.398.000		
2	Chi phô tô in ấn đề thi trong năm học		7.398.000	
	Tổng	7.398.000	7.398.000	0

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

* Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06

- Nhà trường đã đôn đốc cán bộ giáo viên hoàn thành đúng tiến độ việc đồng bộ thông tin giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên (đối tượng đã thu thập được số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân). Kết quả đã đồng bộ và định danh được 23 CBGVNV và 489 học sinh có định danh cá nhân trên cơ sở dữ liệu ngành

- Tiếp tục xây dựng trang website của trường và hướng dẫn CB,GV,NV sử dụng trang website của trường một cách có hiệu quả.

- 100% GV biết ứng dụng và sử dụng CNTT có hiệu quả trong giảng dạy.

- Thực hiện tốt việc sử dụng internet phục vụ cho việc quản lý nhân sự và CSGD trẻ.

- 100% cán bộ giáo viên trong trường biết sử dụng máy vi tính, soạn bài và soạn thảo các văn bản trên máy vi tính.

- Sử dụng tốt phần mềm quản lý: Kế toán, phổ cập giáo dục, quản lý nhà trường, cơ sở dữ liệu ngành, Vnedu, thi đua khen thưởng, quản lý văn bản.

- Khuyến khích những giáo viên có tay nghề sử dụng CNTT thành thạo và xây dựng kho học liệu điện tử của trường.

2. Công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; việc chấp hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính

+ Việc thực hiện công tác kiểm tra nội bộ tại các cơ sở giáo dục Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra theo đúng thời gian quy định và kế hoạch đã xây dựng đạt kết quả tốt.

- Các cuộc được phân loại theo từng lĩnh vực, cụ thể:

+ Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên: thường xuyên hàng ngày.

Số lượng giáo viên đã kiểm tra việc thực hiện CTGD 2018: 3/19 tổng số giáo viên. Đạt 15,8%.

+ Kiểm tra Tổ chuyên môn: 3 lần

+ Kiểm tra cơ sở vật chất: 2

- Tổng số các thành viên trong Ban KTNB: 7 người.

- Đã lồng ghép, đưa các nội dung, thông tin về CCHC trong các buổi họp, tuyên truyền, phổ biến công tác CCHC trong nhà trường. Việc cập nhật, công bố TTHC được thực hiện thường xuyên các thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã chỉ đạo đã niêm yết công khai TTHC tại bảng tin của nhà trường.

- Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện tốt việc cập nhật cơ sở dữ liệu ngành; nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, phụ huynh, học sinh, người dân về vai trò, ý nghĩa, lợi ích của chuyển đổi số. Công tác chuyển đổi số được các cơ sở giáo dục trong nhà trường tích cực thực hiện hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, chất lượng dạy và học

3. Công tác truyền thông; thi đua, khen thưởng

a) Công tác truyền thông

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch truyền thông, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước, Chính phủ; của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nghệ An việc triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc Hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, công tác chỉ đạo, điều hành của ngành giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng và toàn ngành đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo tới toàn thể các cán bộ quản lý, các giáo viên, nhân viên

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông

b) Công tác thi đua, khen thưởng

- Xây dựng tiêu chí thi đua, phát động thi đua năm học 2024-2025 đưa ra tiêu chí thi đua tới toàn thể CBGVNV

- Thực hiện kế hoạch, biện pháp tổ chức, nội dung thi đua trong nhà trường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác thi đua, khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt

- Cuối năm học Hội đồng thi đua họp bình xét CBGVNV có thành tích xuất sắc trong năm học kết quả như sau:

+ Chiến sĩ thi đua cơ sở: 5 người

+ Lao động tiên tiến: 21 người

+ UBND huyện tặng giấy khen: 01 người

+ Giấy khen của Công đoàn Ngành: 01 người

+ SKKN cơ sở: 2 đ/c

- Thực hiện tốt phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, viết cam kết đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và các cuộc vận động, phong trào thi đua khác

Dạy lồng ghép chương trình Giáo dục Stem: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác công khai (theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Diên Quảng.

1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- * *Gửi bản điện tử:*
- PGD&ĐT (B/c);
- Website của trường;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Thị Lan